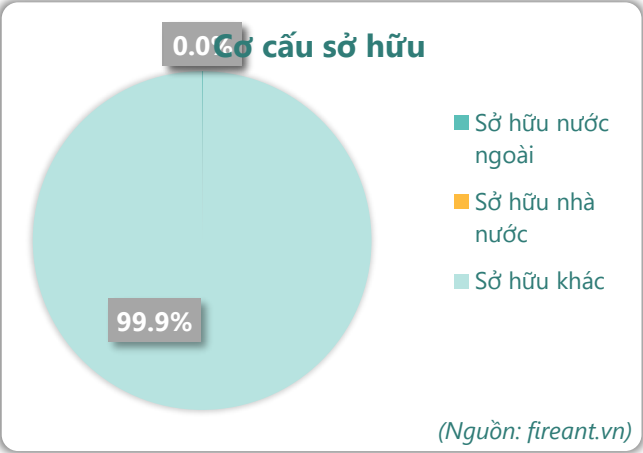


CTCP Quốc tế Holding

Ngày 31/03/2025	1,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	10.0%	22.2%	37.5%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	800 - 2,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	28
Số lượng CPLH (CP)	25,629,995
KLGD BQ 20 phiên (CP)	67,380
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.41
EPS	-237
P/E	-4.6



DT thuần Q1/25
0
tỷ VNĐ

LN thuần Q1/25
-1.44
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.56 -63.5%
YoY: ▼0.64 -79.8%

LN sau thuế Q1/25
-1.44
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.04 2.8%
YoY: ▼0.05 -3.5%

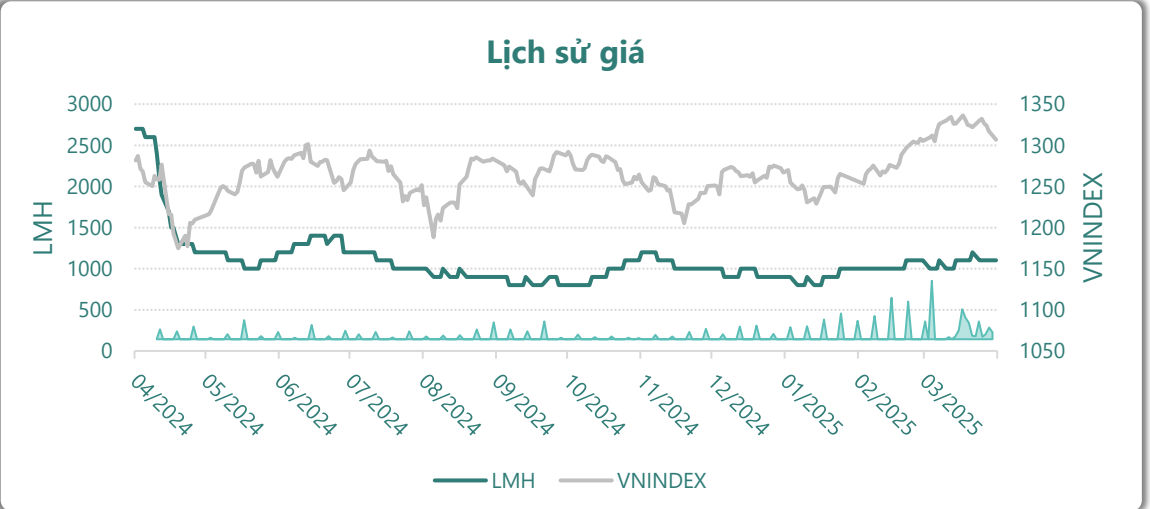
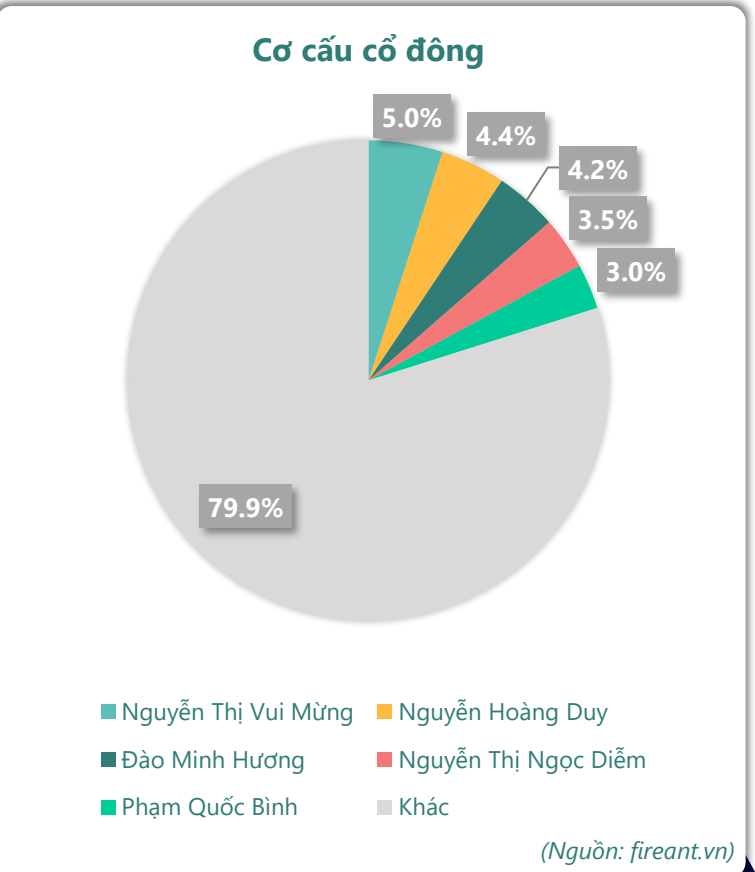
Tỷ suất lãi EBIT Q1/25

ROE (TTM) Q1/25
12.6%
YoY: +/- ▼ 31.2%

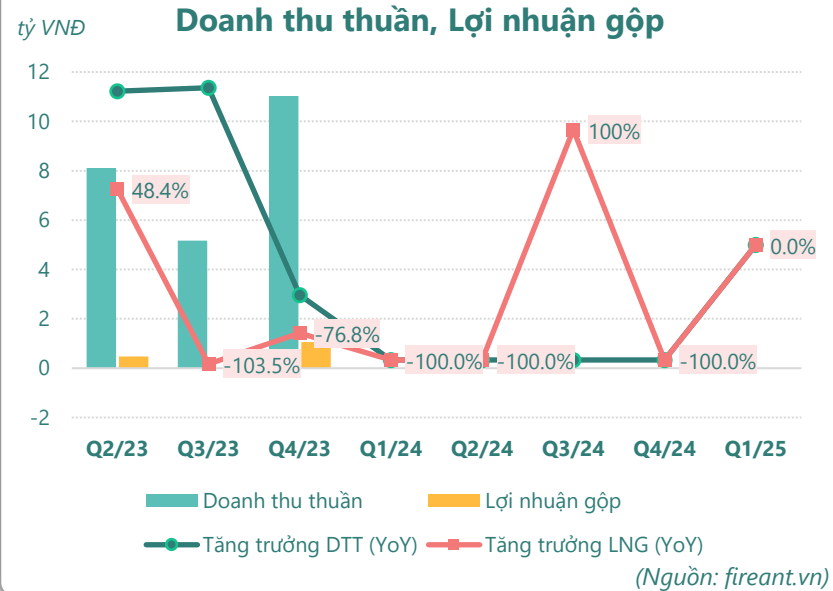
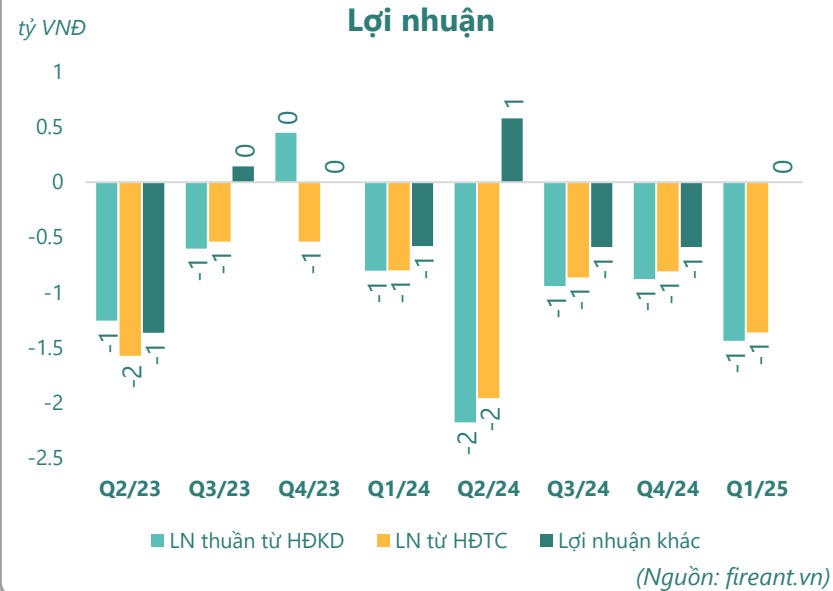
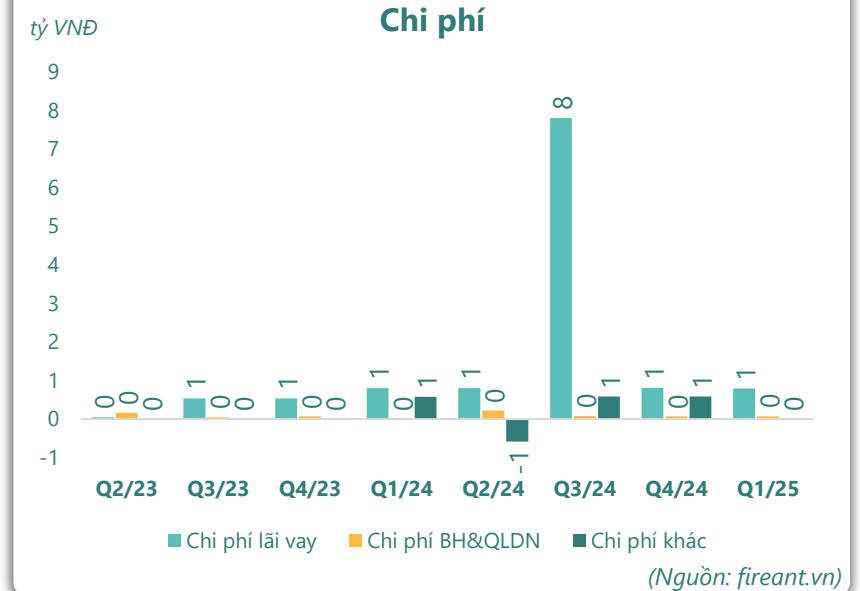
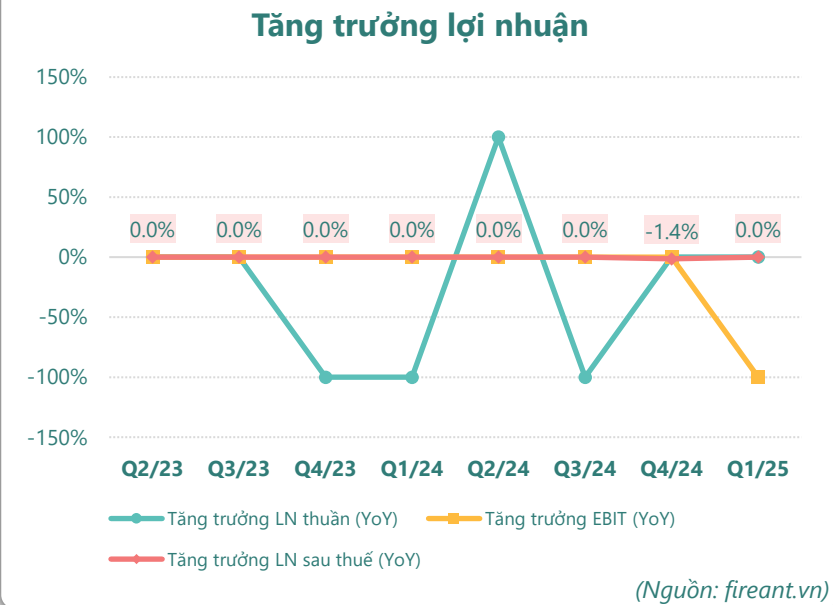
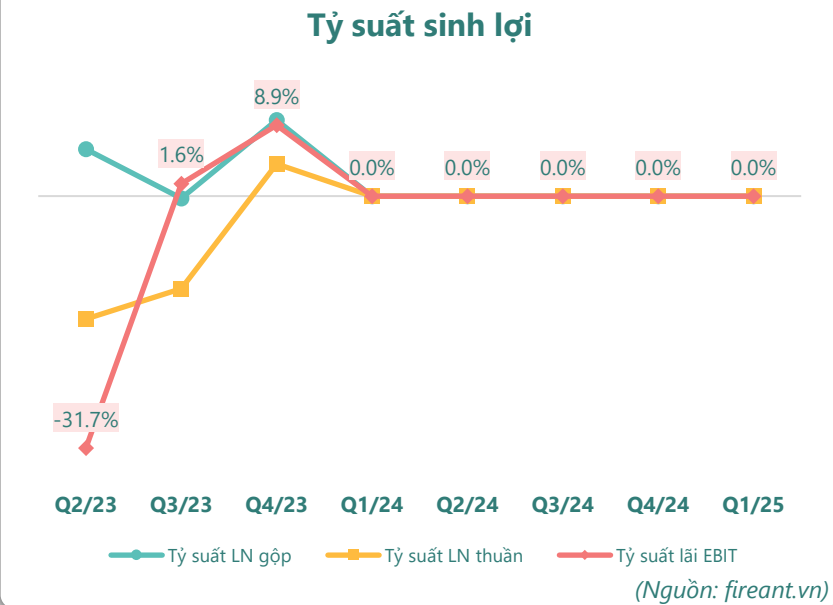
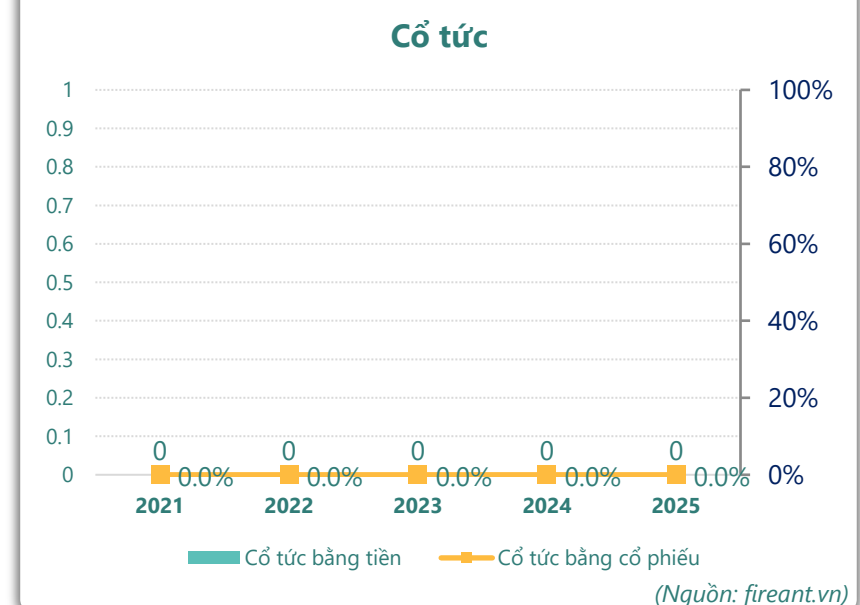
DT thuần 2024
0
tỷ VNĐ
YoY: ▼54.7 -100%

LN thuần 2024
-5.92
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 65.1 91.7%

LN sau thuế 2024
-5.92
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 64.9 91.6%



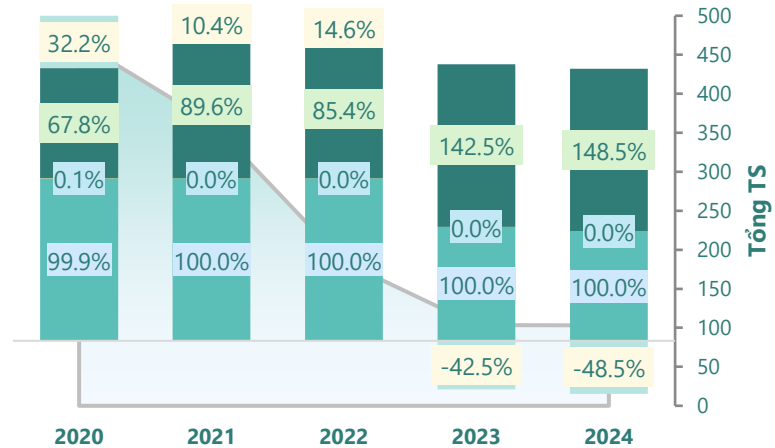
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

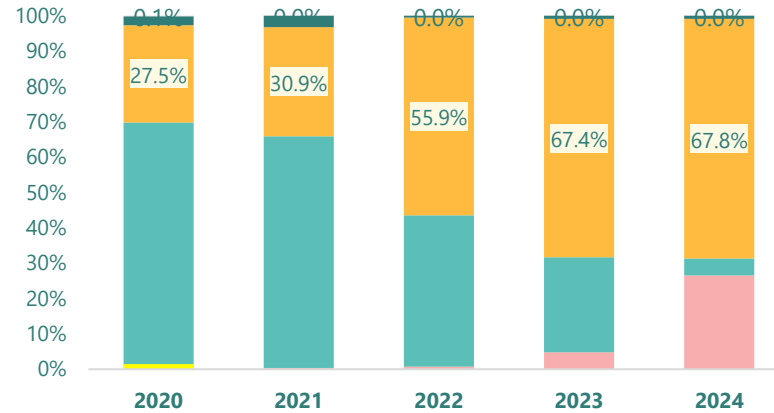
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

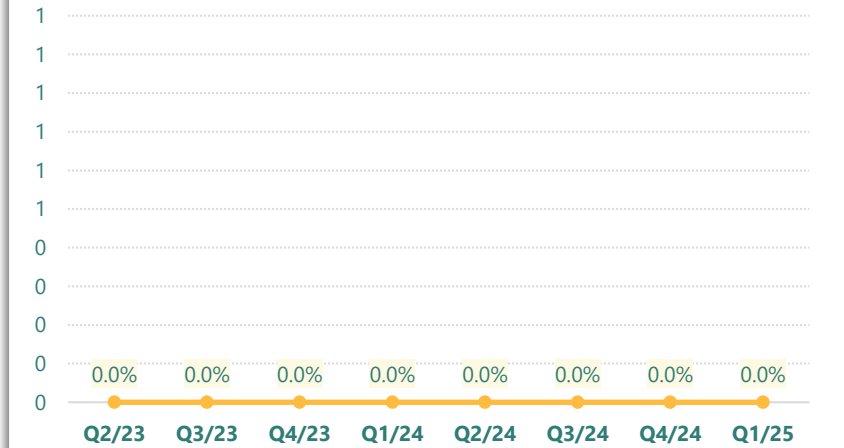


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn
■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

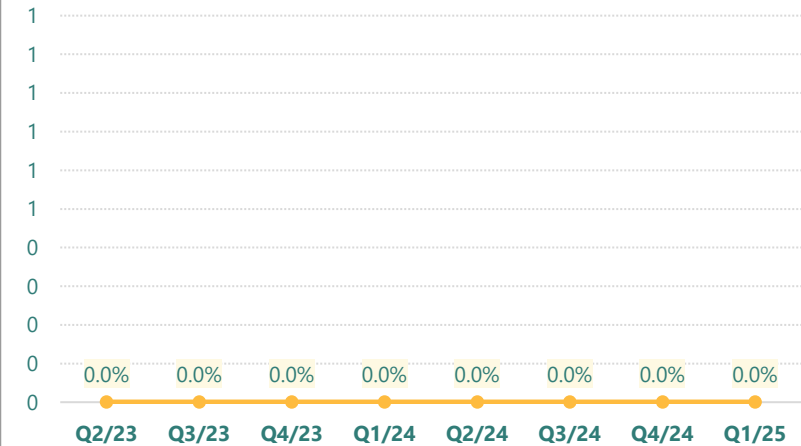


■ Tài sản cố định ■ TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

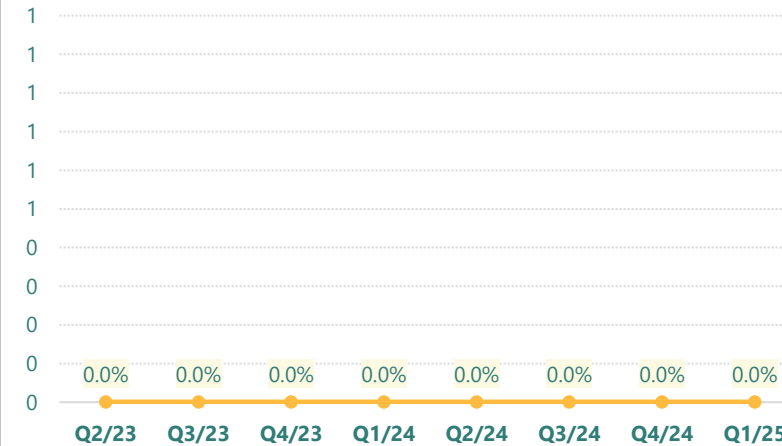


■ Tài sản dở dang ■ TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

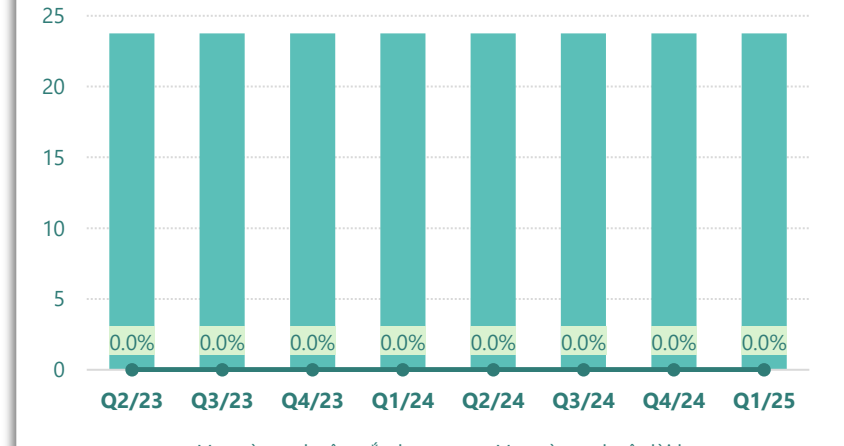


■ Đầu tư tài chính dài hạn ■ ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

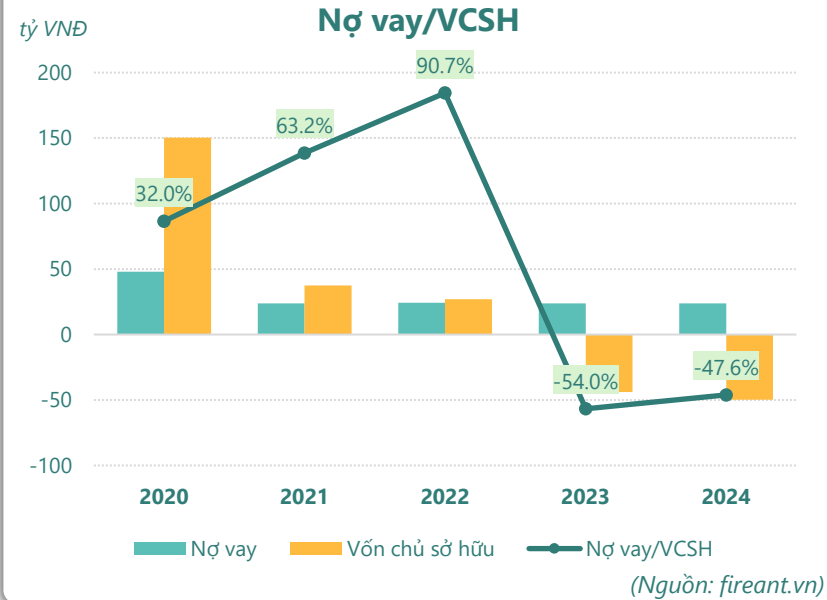
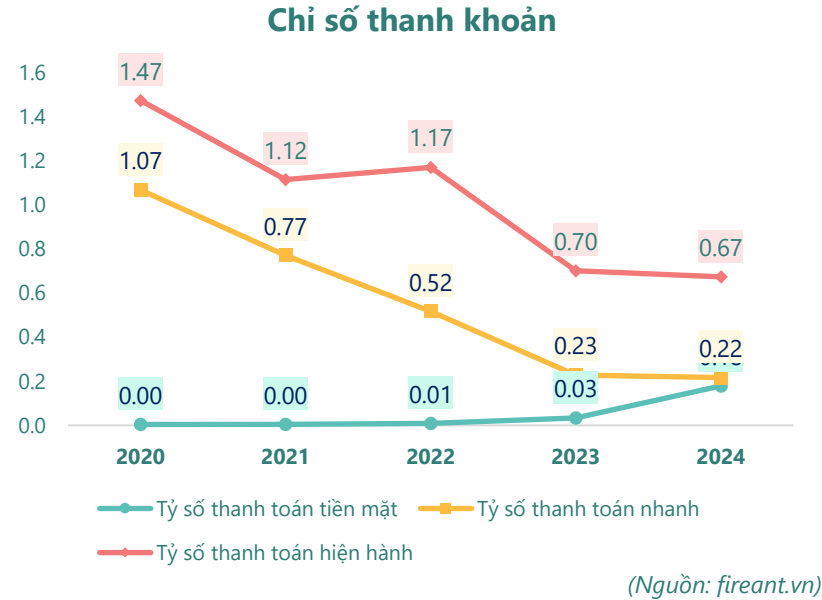
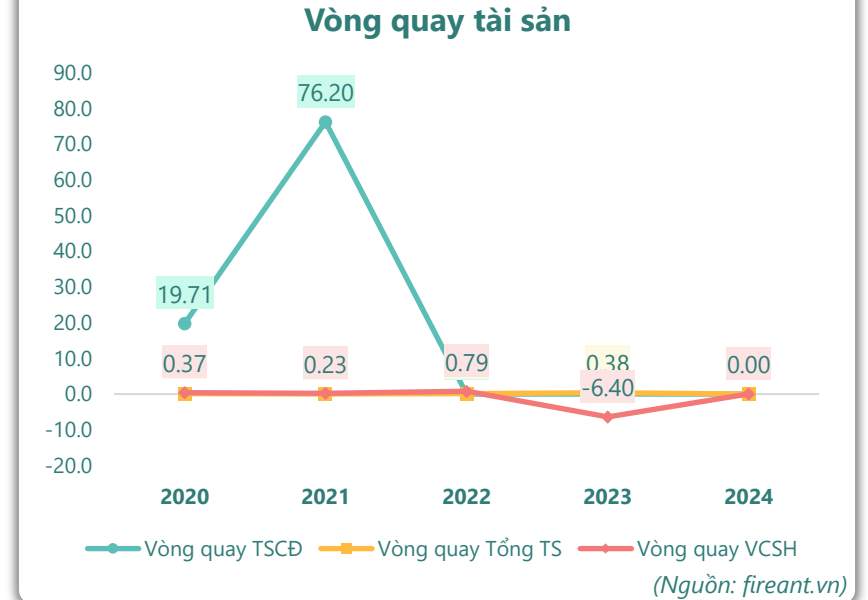
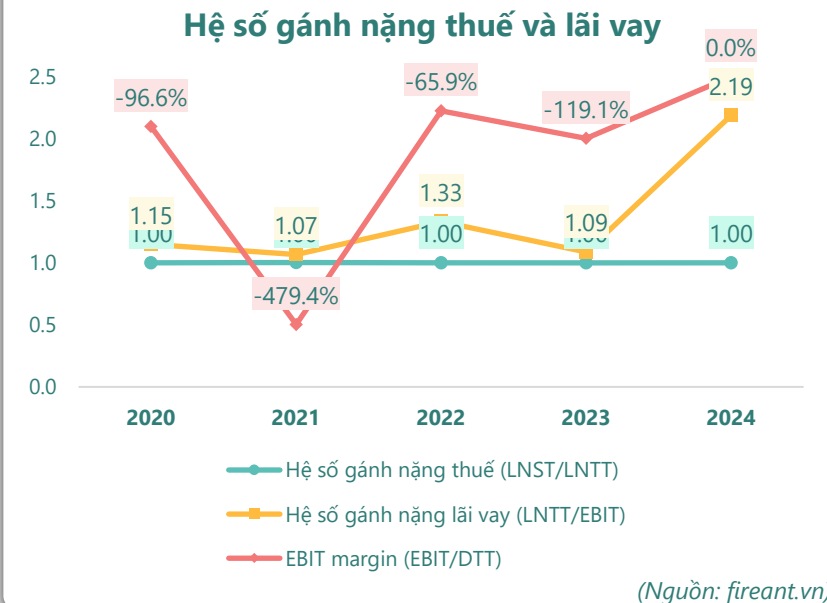
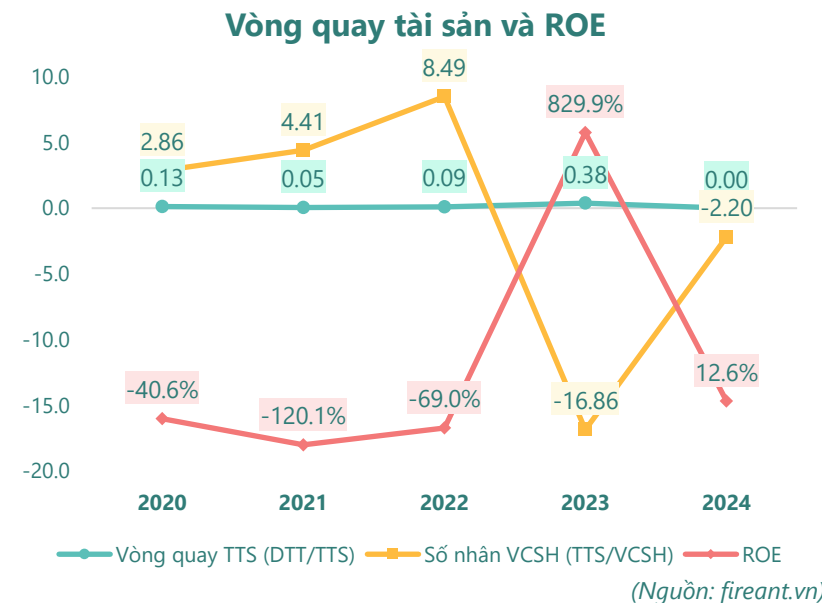
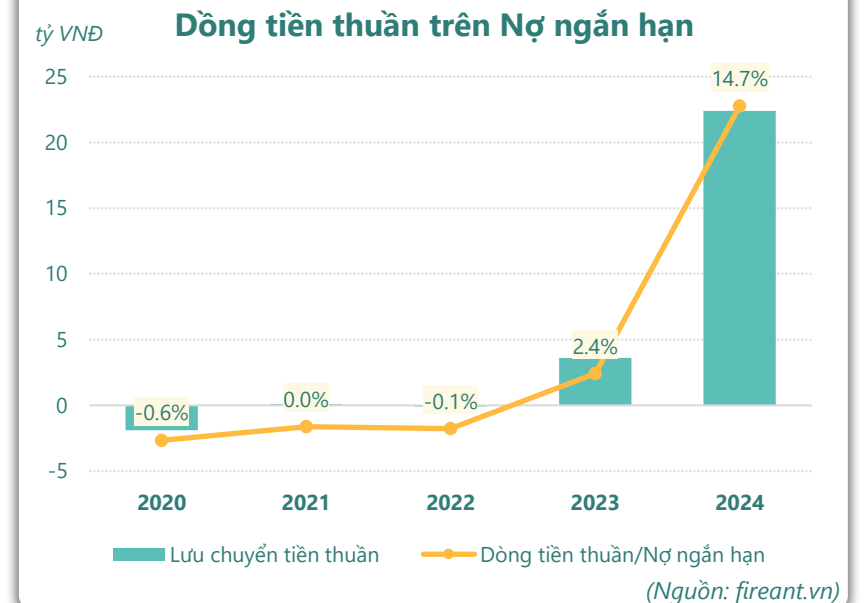


■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

■ Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	0	0.00		0	54.7	-100%
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0	53.0	-100%
Lợi nhuận gộp	0	0.00		0	1.70	-100%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-8.4%
Chi phí TC	1.37	0.80	70.7%	5.55	5.74	-3.3%
Chi phí lãi vay	0.79	0.80	-1.2%	3.22	5.73	-43.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00	0.03	-96.9%
Chi phí QLDN	0.07	0.01	641%	0.37	66.9	-99.4%
LN thuần từ HĐKD	-1.44	-0.80	-79.8%	-5.92	-71.0	91.7%
Lợi nhuận khác	0	-0.58	100%	0	0.16	-100%
LN trước thuế	-1.44	-1.39	-3.5%	-5.92	-70.8	91.6%
Lợi nhuận sau thuế	-1.44	-1.39	-3.5%	-5.92	-70.8	91.6%
LNST của CĐ cty mẹ	-1.44	-1.39	-3.5%	-5.92	-70.8	91.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.33	-0.09	-0.32	44.9	0	-0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	-22.5	0	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	5.27	4.94	4.85	4.54	0	27.3
Lưu chuyển tiền thuần	-1.33	-0.09	-0.32	22.4	0	0.00
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.94	4.85	4.54	26.9	0	27.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	103	103	0.0%
Tài sản ngắn hạn	103	103	0.0%
Tiền và tương đương tiền	27.3	27.3	0.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	4.88	4.88	0.0%
Hàng tồn kho	69.8	69.8	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.92	0.91	0.2%
Tài sản dài hạn	0.00	0.00	0.0%
Phải thu dài hạn	0.00	0.00	0.0%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	154	153	0.9%
Nợ ngắn hạn	154	153	0.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.8	23.8	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	87.8	87.7	0.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	-51.3	-49.9	-2.9%
Vốn chủ sở hữu	-51.3	-49.9	-2.9%
Vốn điều lệ	256	256	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

